

Bản án số: **34/2020/HC-PT**

Ngày 05 - 3 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành***

***Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường***

***Bà Lê Thúy Cầu***

***- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.***

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.***

Vào ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 33/2019TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2019/QĐ-PT ngày 03/02/2019, giữa các đương sự:

\* Người khởi kiện: Ông **Huỳnh Tấn C**, sinh năm 1967; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lê Thúy K; có mặt.*

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lý Vĩnh H, luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.***

\* Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.**

2. **Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N, tỉnh Quảng Nam.**

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn M.** Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trương Văn T.** Chức vụ: Phó Chủ tịch.  
(Theo văn bản ủy quyền số: 264/GUQ-UBND ngày 22/3/2019); vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

1. Ông **Lê C;** chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Ông **Trần Công D;** chức vụ: Chuyên viên Ban quản lý dự án - Quỹ đất huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M,** sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Tấn C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/01/2019 của người khởi kiện ông Huỳnh Tấn C, qua đối thoại và lời trình bày của đại diện người khởi kiện tại phiên tòa, như sau:*

Từ năm 1989, vợ chồng ông Huỳnh Tấn C và bà Nguyễn Thị M sử dụng một mảnh đất trống có chiều rộng là 40 mét, chiều dài từ đường T ra biển và 10 mét của cha ruột ông C (*ông Huỳnh Tấn N*) để trồng cây Thông chắn gió và là kế sinh nhai của gia đình ông. Trên diện tích đất đó, vợ chồng ông C đã mua và trồng cây Thông 03 lần vào các năm 1989, năm 2006 và năm 2012.

Vào năm 2005, thực hiện Dự án Khu du lịch Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ du lịch X (Gọi tắt là Dự án X) thì nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Huỳnh Tấn C (*bồi thường, hỗ trợ về đất có chiều rộng 10 mét cho cha ông C; riêng ông C chỉ được hỗ trợ cây trồng trên đất vì cơ quan chức năng nói ông C không có giấy tờ gì về đất*). Sau khi bồi thường xong, Dự án “X” bỏ đi, không thực hiện Dự án. Từ đó đến nay, vợ chồng ông C vẫn tiếp tục trồng cây Thông trên 40 mét chiều rộng, chiều dài từ đường T ra biển.

Năm 2016, thực hiện Dự án: Trung tâm Huấn luyện kỹ năng và sinh hoạt dã ngoại Thanh thiếu niên Quảng Nam (gọi tắt là Dự án Trung tâm Huấn luyện) thì nhà nước thu

hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Huỳnh Tấn C theo Quyết định số: 672/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND huyện N. Khi tiến hành xác định diện tích đất cần được công nhận quyền sử dụng đất để thu hồi, cơ quan có thẩm quyền đã không thông báo, mời gia đình ông C ra để xác định vị trí, ranh giới đất đã khai thác, sử dụng để đo đạc. Khi đi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về việc thu hồi đất, ông C không hỏi ý kiến của vợ ông (*bà Nguyễn Thị M*) nên ông cảm thấy việc nhận tiền của mình là không đúng vì làm ảnh hưởng tới quyền lợi của vợ ông. Sau khi nhận tiền bồi thường, ông C mới được giao các Quyết định số: 116/QĐ-UBND, Quyết định số: 117/QĐ-UBND và Quyết định số: 118/QĐ-UBND cùng ngày 15/01/2016 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh Tấn C để giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án. Việc làm này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C vì gia đình không có cơ hội, điều kiện, thời gian để xem xét, nghiên cứu, bàn bạc, quyết định trước khi đặt bút ký nhận hoặc không nhận tiền bồi thường và cũng là nguyên nhân dẫn đến số diện tích đất của gia đình ông đã khai thác, sử dụng vẫn chưa được đo đạc, xác định đầy đủ để được công nhận, thu hồi, bồi thường (hiện còn 30 mét chiều rộng và chiều dài từ đường T ra tới bãi biển).

Do đó, tháng 01/2018, ông C đã làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện N. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện N không trả lời đơn khiếu nại cho gia đình ông mà ban hành Công văn số: 315/UBND-VP ngày 06/4/2018 với nội dung không xem xét, thụ lý giải quyết đơn của ông Huỳnh Tấn C. Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND huyện N, ông C đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 26/9/2018, tại phiên đối thoại, Chủ tịch UBND huyện N thỏa thuận chấp nhận thụ lý đơn khiếu nại và ra quyết định giải quyết khiếu nại cho gia đình ông C theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 29/9/2018, Chủ tịch UBND huyện N có gửi giấy thụ lý đơn khiếu nại và ban hành Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân. Tuy nhiên, gia đình ông C thấy việc trả lời đơn của Chủ tịch UBND huyện N tại Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời đơn công dân.

- Buộc UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Huỳnh Tấn C đối với diện tích đất còn lại chưa được bồi thường là 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T theo quy định của pháp luật.

*Tại văn bản số: 359/UBND-TTPTQĐ ngày 09/4/2019 của UBND huyện N và lời trình bày của người đại diện cho người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N tại phiên tòa, như sau:*

+ Đối với yêu cầu hủy Công văn số: 1028/UBND-VP của Chủ tịch UBND huyện N:

Ngày 16/01/2016, UBND huyện N ban hành các Quyết định số: 116/QĐ-UBND, Quyết định số: 117/QĐ-UBND và Quyết định số: 118/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thu hồi đất để xây dựng Dự án Trung tâm Huấn luyện, với diện tích đất thu hồi là 1.655,0 m<sup>2</sup>, loại đất trồng rừng sản xuất của hộ ông Huỳnh Tấn C. Theo đó, ngày 01/02/2016 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số: 672/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Tấn C để giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án Trung tâm Huấn luyện (đợt 2) tại xã T, huyện N, với tổng số tiền 86.730.500 đồng (*trong đó: bồi thường về đất với số tiền 29.806.200 đồng*). Vợ chồng ông Huỳnh Tấn C đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên, thể hiện tại Phiếu chi ngày 03/02/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N và không khiếu nại, thắc mắc gì về việc bồi thường, hỗ trợ.

Đến ngày 10/01/2018, ông Huỳnh Tấn C có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất mà ông cho rằng nguồn gốc đất này do Nhà nước giao cho ông Bùi T, ông Trần Văn T và ông Trần Văn Đ nhưng các ông này không sử dụng mà do vợ chồng ông sử dụng trồng cây trên đó. Căn cứ khoản 6 Điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện N không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông C vì đã hết thời hiệu khiếu nại. Do đó, UBND huyện N trả lại đơn khiếu nại ghi ngày 10/01/2018 của ông Huỳnh Tấn C về việc yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thi công Dự án Trung tâm Huấn luyện theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T:

Diện tích đất này đã nằm trong phạm vi GPMB Dự án X được thực hiện năm 2005, mà cụ thể là tại Quyết định số: 507/QĐ-KTM ngày 16/12/2005 của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án X. Tại phương án này, hộ ông Huỳnh Tấn C được bồi thường 1.750 m<sup>2</sup> loại đất lâm nghiệp và cây trồng (cây dương liễu) và ông C đã nhận tiền tại phiếu chi ngày 03/4/2006. Cùng với Dự án này, có diện tích đất lâm nghiệp 24.580 m<sup>2</sup> được hỗ trợ cho UBND xã T, trong đó có ông Huỳnh Tấn C trồng cây trên một phần diện tích đất này nhưng ông C không có giấy tờ liên quan về đất nên ông C chỉ được hỗ trợ về cây trồng, còn đất thì tính hỗ trợ cho UBND xã T, cụ thể tại phiếu chi ngày

25/01/2006 và ngày 29/11/2007 (Chính sách hỗ trợ được thực hiện theo Quyết định số: 31/2005/QĐ-UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam về bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Quyết định số: 2677/2005/QĐ-UBND ngày 15/7/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số: 31/2005/QĐ-UBND ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam).

Tại thời điểm đó, Dự án X được triển khai thực hiện, nhưng một thời gian sau thì Dự án này dừng hoạt động. Đến năm 2016, thay đổi bằng Dự án Trung tâm Huấn luyện thì gia đình ông C được bồi thường tổng cộng 1.655,9 m<sup>2</sup> (03 thửa). Riêng đối với 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T mà ông C yêu cầu bồi thường thì đã được bồi thường, hỗ trợ cho UBND xã T vào năm 2005 (tại Quyết định số: 507/QĐ-KTM ngày 16/12/2005 của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai) và diện tích đất này nằm trong Dự án cũ (Dự án X) chứ không nằm trong Dự án mới (Dự án Trung tâm Huấn luyện) nên việc ông C khởi kiện yêu cầu bồi thường 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, từ ngày ông C nhận tiền (năm 2006) đến trước ngày ông C khởi kiện thì ông C không có yêu cầu bồi thường về đất nên đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa xem xét về thời hiệu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M:* Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Tấn C, yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

***Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số:22 /2019/HC-ST, ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định.***

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C về việc hủy Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.
2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C về việc buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Huỳnh Tấn C đối với diện tích

đất còn lại chưa được bồi thường là 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T theo quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 ông Huỳnh Tấn C kháng cáo Bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Huỳnh Tấn C, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Tấn C yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất còn lại chưa được bồi thường là 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T. Và yêu cầu hủy Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời đơn công dân.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Diện tích đất ông C yêu cầu giải quyết là 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T (khoảng 2.370 m<sup>2</sup>) đã được Nhà nước bồi thường về cây trồng trên đất cho ông Huỳnh Tấn C vào năm 2006, thuộc Dự án Sài Gòn – Quảng Nam. Mặt khác, khi chuyển sang Dự án Trung tâm Huấn luyện thì ngày 03/02/2016, ông Huỳnh Tấn C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng với số tiền 86.730.500 đồng, thể hiện tại Phiếu chi ngày 03/02/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N (**Bút lục số 108**). Điều đó, chứng tỏ ông C đã nhận được, biết được các quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông vào ngày **03/02/2016**. Tuy nhiên, đến ngày

**29/10/2018** ông C mới khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng đối với diện tích khoảng 2.370 m<sup>2</sup> là không có căn cứ pháp luật và đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 “*Thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính*”. Bản án sơ thẩm đã xác định đã hết thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này của ông C là có căn cứ, đúng pháp luật; do vậy đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C về nội dung nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Ngày 16/01/2016, UBND huyện N ban hành các Quyết định số: 116/QĐ-UBND, Quyết định số: 117/QĐ-UBND và Quyết định số: 118/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thu hồi đất để xây dựng Dự án Trung tâm Huấn luyện, với diện tích đất thu hồi là 1.655,0m<sup>2</sup>, loại đất trồng rừng sản xuất của hộ ông Huỳnh Tấn C. Theo đó, ngày 01/02/2016 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số: 672/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Tấn C để giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án Trung tâm Huấn luyện (đợt 2) tại xã T, huyện N với tổng số tiền 86.730.500 đồng (*trong đó: bồi thường về đất với số tiền 29.806.200 đồng*). Ngày 03/02/2016, ông Huỳnh Tấn C đã ký nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên và không khiếu nại, thắc mắc gì về việc bồi thường, hỗ trợ. Đến ngày 10/01/2018, ông Huỳnh Tấn C có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất mà ông C cho rằng nguồn gốc đất này do Nhà nước giao cho các ông Bùi T, Trần Văn T và Trần Văn Đ nhưng các ông này không sử dụng mà do vợ chồng ông sử dụng trồng cây trên đó.

Như vậy việc khiếu nại của ông C là hết thời hiệu theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Tấn C, theo đó không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông C theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 là đúng quy định của pháp luật Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ.

Từ nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C là không có căn cứ để chấp nhận.

Án phí: Ông Huỳnh Tấn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn C.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C về việc hủy Công văn số: 1028/UBND-VP ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C về việc buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Huỳnh Tấn C đối với diện tích đất còn lại chưa được bồi thường là 30 mét chiều rộng dọc đường T và chiều dài từ đường T ra biển xã T theo quy định của pháp luật.

**Án phí:** Ông Huỳnh Tấn C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000357 ngày 30/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam nay chuyển thành án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Thành**